

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 108/2022/HS-ST
Ngày 18-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tiến và bà Hà Thị Thúy.

Thư ký Tòa án: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 114/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Tùng L, sinh năm 1988 tại Hải Dương. Nơi cư trú: Số 29/144 Q, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Nguyên là Kỹ thuật y - khoa Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng của Trung tâm V; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc M và bà Nguyễn Thị Minh K; có vợ là Đồng Thị Thanh N và 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/6/2021 đến ngày 07/7/2021 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương đến nay (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

* Những người tham gia tố tụng khác:

- Người có quyền lợi N vụ liên quan:

+ Trung tâm V; địa chỉ: Số 18 đường T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương – người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T – Phụ trách khoa xét nghiệm (*ông T có mặt*);

+ Anh Bùi Quốc T, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương (*có mặt*);

+ Anh Bùi Văn M, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn H, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương (*vắng mặt*);

+ Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn H, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương (có mặt);

+ Anh Phạm Văn H, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 3, khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh (vắng mặt);

+ Anh Phạm Xuân N, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương (vắng mặt);

+ Anh Phạm Văn V, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T, xã Hồng V, huyện G, tỉnh Hải Dương (vắng mặt);

+ Anh Phạm Văn D, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương (vắng mặt);

+ Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương (vắng mặt);

+ Anh Trần Văn P, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn C, xã Hồng V, huyện G, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

- Người làm chứng:

+ Chị Đồng Thị Thanh N, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 29/144 Q, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương (có mặt);

+ Chị Hoàng Thị L – Phó giám đốc Công ty TNHH B(phòng khám đa khoa B); địa chỉ: KM52 đường A, phường V, thành phố H, tỉnh Hải Dương (vắng mặt);

+ Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (vắng mặt);

+ Anh Phạm Bá D, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 3^a/439 B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (vắng mặt);

+ Anh Ngô Văn D, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 6/50/160 V, phường Th , thành phố H, tỉnh Hải Dương (vắng mặt);

+ Anh Chữ Đức Q, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 9 T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (vắng mặt);

+ Anh Nguyễn Vũ Khánh M, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu 10 phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 110/CT-VKSTPHD ngày 16/7/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Tùng L về tội “Giả mạo trong công tác” theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 359 của Bộ luật hình sự với căn cứ:

Nguyễn Tùng L nguyên là nhân viên Kỹ thuật y, công tác tại Khoa xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng thuộc Trung tâm V (gọi tắt là

CDC H). Thời điểm tháng 5 năm 2021, do tình hình dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Hải Dương có nhiều diễn biến phức tạp. Ngày 17/5/2021 Giám đốc CDC H ban hành Quy định số 343/QĐ-KSBT về việc thực hiện các quy trình khi tham gia thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh kèm theo danh sách phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ CDC H thì Nguyễn Tùng L thuộc Kíp II với nhiệm vụ cụ thể là: Tuân thủ thực hiện các quy trình kỹ thuật liên quan trong Lab, chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật trong phòng Lab, trả kết quả sơ bộ cho bộ phận trả kết quả và thực hiện nhiệm vụ khác khi được phân công. Lợi dụng tính chất nhiệm vụ, quyền hạn được giao và biết tình hình nhiều người muốn đi ra tỉnh ngoài làm việc phải có phiếu xét nghiệm kết quả COVID-19, Nguyễn Tùng L đã thuê làm dấu chức danh của bà Hoàng Thị Mai H - phó trưởng khoa xét nghiệm và dấu chức danh của ông Nguyễn Phúc T - phó giám đốc CDC H; sau đó đã thực hiện việc tự ý đi lấy mẫu của những người có nhu cầu mang về CDC H đưa vào máy chạy phân tích, khi có kết quả sử dụng mẫu trả kết quả của CDC trên máy vi tính điền thông tin, ghép và photocopy chữ ký của lãnh đạo khoa xét nghiệm và lãnh đạo CDC H vào phiếu trả lời kết quả, lợi dụng sơ hở của nhân viên văn thư dùng con dấu của CDC H đóng lên chữ ký ghép và chữ ký photocopy phân lãnh đạo tại phiếu trả lời kết quả trả cho người có nhu cầu xét nghiệm để thu tiền mà không qua hệ thống theo dõi tại Trung tâm theo quy định. Cụ thể như sau:

Do L biết CDC H và phòng khám đa khoa B (thuộc Công ty TNHH B) có địa chỉ tại Km52 đường A, phường V, thành phố H có ký Hợp đồng về việc xét nghiệm sàng lọc Virut SARS-CoV-2 nên sáng ngày 06/6/2021 L đến phòng khám mượn một số vật tư xét nghiệm, chị Hoàng Thị L là phó giám đốc Công ty TNHH B nhờ L lấy mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2 cho ba người gồm anh Bùi Văn Th, anh Bùi Văn T và cháu Bùi Quốc T đều ở thôn H, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. L đã lấy mẫu và chị Hoàng Thị L là nhân viên của phòng khám đã ghi thông tin những người xét nghiệm đồng thời thu phí xét nghiệm của ba người là 900.000 đồng đưa cho L.

Cùng ngày 06/6/2021, anh Phạm Văn H, địa chỉ: Tổ 3, khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh đang ở tỉnh Hải Dương có nhu cầu xét nghiệm SARS-CoV-2 để qua chốt kiểm soát về tỉnh Quảng Ninh nên nhờ bạn là Ngô Văn D làm ở khoa X-quang Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương hỏi chỗ làm xét nghiệm. Anh Ngô Văn D đã nhờ anh Chữ Đức Q làm việc ở khoa xét nghiệm Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương tìm hộ. Anh Q đã liên lạc với anh Nguyễn Vũ Khánh M làm việc ở khoa huyết học Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương đề nhờ. Do anh M là bạn của L nên anh M đã liên hệ cho L lấy mẫu xét nghiệm cho anh H. Vì bạn nên L đã nhờ M lấy hộ mẫu, ghi thông tin và thu của anh H phí xét nghiệm 01 (một) triệu đồng rồi đưa toàn bộ mẫu và phí xét nghiệm cho L.

Sau khi có mẫu của bốn người trên, L không chuyển mẫu để tiến hành xét nghiệm theo quy định tại các bộ phận của CDC H mà tự ghép với các mẫu khác để đưa vào máy phân tích thuộc lĩnh vực mình thực hiện để phân tích kết quả. Khi có kết quả âm tính với các mẫu này, L sử dụng máy tính của CDC H điền

thông tin của những người L thu mẫu lên phôi mẫu phiếu trả lời kết quả xét nghiệm của CDC H có sẵn trong máy tính, tiến hành ghép hình ảnh chữ ký của lãnh đạo khoa xét nghiệm là bà Hoàng Thị Mai H và giám đốc CDC H là ông Nguyễn Duy T vào phiếu rồi in ra phiếu trả lời kết quả. Lợi dụng sự thiếu quản lý của nhân viên văn thư, L đã sử dụng con dấu của CDC H đóng vào chữ ký của ông T và sử dụng dấu chức danh của ông T đóng phía dưới chữ ký. Khi có được 04 phiếu trả lời kết quả xét nghiệm, L đã đưa phiếu của anh H cho anh M, 03 phiếu còn lại L giao cho chị L nhân viên phòng khám B để trả cho người làm xét nghiệm. Anh Th, anh T, cháu T và anh H đã sử dụng các phiếu này đi qua các chốt kiểm soát dịch bệnh để vào tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 26/6/2021, các anh Trần Văn P, Phạm Văn V đều ở xã Hồng V, huyện G; Phạm Văn Đ, Phạm Văn D đều ở xã Đ, huyện G; các anh Nguyễn Văn M1, Phạm Xuân N và Phạm Xuân M2 đều ở xã Đ, huyện G đến bệnh viện Nhiệt đới tỉnh Hải Dương để làm xét nghiệm SARS-CoV-2 nhưng bệnh viện không làm nên anh Trần Văn P có liên hệ với anh Phạm Bá D là anh họ của anh P làm tại công ty dịch vụ cấp cứu Hải Dương. Do anh D biết L làm ở CDC H nên đã liên hệ với L nhờ làm phiếu xét nghiệm. L đồng ý và hứa sẽ trích tiền công cho anh D. Sau đó, anh D hẹn L cùng những người có nhu cầu xét nghiệm nêu trên đến nơi anh D thuê trọ ở ngõ 50 H, phường T, thành phố H. Tại đây, L đã ghi thông tin và lấy mẫu của 07 người cho vào một ống nghiệm. L mang mẫu về CDC H tự ý ghép mẫu này với mẫu khác để đưa vào máy phân tích, khi có kết quả âm tính L điền thông tin, in kết quả rồi cắt chữ ký có sẵn của bà Hoàng Thị Mai H – lãnh đạo khoa xét nghiệm và ông Nguyễn Phúc T – phó giám đốc CDC H dán lên phiếu rồi photocopy lại các phiếu, đóng dấu CDC H lên chữ ký của lãnh đạo rồi mang đến nhà trọ của anh D, thông báo cho anh D biết phí xét nghiệm của 07 người tổng là 1.900.000 đồng và L cho anh D 400.000 đồng. Vì anh D liên hệ với anh P nhưng do chưa có tiền nên anh P hứa trả anh D sau nên anh D đã chuyển khoản cho L số tiền 1.500.000 đồng. Đến 19 giờ cùng ngày, các anh P, V, Đ, D, N dùng phiếu xét nghiệm, thuê xe cứu tH của công ty TNHH dịch vụ cấp cứu H do anh Phạm Công Hải L điều khiển chở đi Quảng Ninh. Khi đến chốt kiểm soát dịch bệnh trạm thu phí BOT cầu B, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh thì bị cơ quan chức năng nghi vấn nên đã yêu cầu anh Long cùng các anh P, V, Đ, D, N về công an thị xã Q để làm việc.

Tại bản kết luận giám định số 1228/KLGĐ ngày 03/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận:

- Chữ ký mang tên “Hoàng Thị Mai H” trong các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A01 đến A05 so với chữ ký mang tên “Hoàng Thị Mai H” trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M01 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên “Nguyễn Phúc T” trong các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A01 đến A05 là chữ ký được photocopy từ chữ ký của người ký các chữ ký mang tên “Nguyễn Phúc T” trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M02, M03.

- Hình dấu “Trung tâm V” trong các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A01 đến A05 so với hình dấu cùng nội dung trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M02, M03 là do cùng một con dấu đóng ra.

Tại bản kết luận giám định số 49/KLGD ngày 15/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Hải Dương kết luận:

5.1 Hình dấu tròn có nội dung “Trung tâm V” trên các tài liệu cần giám định (*ký hiệu A1 đến A5*) với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M1 đến M4*) là do cùng một con dấu đóng ra.

5.2 Người có mẫu chữ ký đứng tên Giám đốc Phạm Duy T trên các tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M1 đến M4*) không ký ra chữ ký đứng tên Giám đốc Phạm Duy T trên các tài liệu cần giám định (*ký hiệu A1 đến A4*).

- Dấu chức danh đứng tên Giám đốc Phạm Duy T trên các tài liệu (*ký hiệu A1 đến A4*) với dấu chức danh cùng tên trên các tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M1 đến M4*) là do cùng một con dấu đóng ra.

5.3 Người có mẫu chữ ký đứng tên Phó giám đốc Nguyễn Phúc T trên các tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M5*) không ký ra chữ ký đứng tên Phó giám đốc Nguyễn Phúc T trên tài liệu cần giám định (*ký hiệu A5*).

- Không đủ cơ sở kết luận Dấu chức danh đứng tên Phó giám đốc Nguyễn Phúc T trên tài liệu (*ký hiệu A5*) với dấu chức danh cùng tên trên tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M5*) có phải do cùng một con dấu đóng ra hay không.

5.4 Người có mẫu chữ ký đứng tên Hoàng Thị Mai H trên các tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M6*) không ký ra chữ ký đứng tên Hoàng Thị Mai H trên tài liệu cần giám định (*ký hiệu A1 đến A5*).

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tùng L thừa nhận: Bản thân là người được Giám đốc Trung tâm CDC giao nhiệm vụ chạy máy xét nghiệm để phân tích cho ra kết quả từ mẫu thu thập. Lợi dụng tính chất công việc của mình và biết tình hình nhiều người muốn đi ra tỉnh ngoài làm việc phải có phiếu xét nghiệm kết quả COVID-19, Nguyễn Tùng L đã thuê làm dấu chức danh của bà Hoàng Thị Mai H (*phó trưởng khoa xét nghiệm*) và dấu chức danh của ông Nguyễn Phúc T (*phó giám đốc trung tâm*), sau đó đã thực hiện việc tự ý đi lấy mẫu của những người có nhu cầu mang về trung tâm đưa vào máy chạy phân tích, khi có kết quả âm tính đã sử dụng mẫu trả kết quả của trung tâm trên máy vi tính điền thông tin, ghép chữ ký và photocopy chữ ký của lãnh đạo khoa xét nghiệm và lãnh đạo trung tâm vào phiếu trả lời kết quả, lợi dụng sơ hở của nhân viên văn thư dùng con dấu của trung tâm đóng lên chữ ký ghép và chữ ký photocopy phần lãnh đạo tại phiếu trả lời kết quả sau đó trả cho người có nhu cầu xét nghiệm để thu tiền mà không qua hệ thống theo dõi tại CDC H theo quy định. Nguyễn Tùng L khẳng định có lấy mẫu, có trộn ghép các mẫu để tiến hành đưa vào máy phân tích, kết quả phân tích âm tính cho những người L làm là kết quả thật, mẫu trả kết quả với tiêu đề, cột mục đúng như CDC H ban hành, hình dấu tròn của CDC H đóng trên giấy trả kết quả xét nghiệm là hình con dấu thật. Duy nhất chỉ có

chữ ký của lãnh đạo khoa xét nghiệm và lãnh đạo CDC là chữ ký giả không phải do những người có chức vụ quyền hạn ký ra. Nguyễn Tùng L cũng thừa nhận nếu bản thân không phải là người của CDC thì sẽ không thể thực hiện được việc làm ra kết quả xét nghiệm Covid-19 với kết quả thật, đúng mẫu và đúng con dấu.

Bị cáo nhất trí với các kết luận định giám định; đồng thời thể hiện thái độ ăn năn hối cải; xác định Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương đã truy tố bị cáo về tội danh, điều khoản theo quy định Bộ luật hình sự là đúng; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tùng L phạm tội “Giả mạo trong công tác”.

2. Về hình phạt chính: Áp dụng điểm a Khoản 3 và Khoản 5 Điều 359; điểm b, s, v Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; điểm g, l Khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 38; Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tùng L từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 28/6/2021.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng Khoản 5 Điều 359; Điều 41 Bộ luật hình sự.

Cấm bị cáo Nguyễn Tùng L làm công việc liên quan đến công việc xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng tại cơ sở y tế trong thời hạn 01 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù. Không áp dụng dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

4. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1 và điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tiếp tục quản lý tại hồ sơ các phiếu trả lời kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 giả là tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 3.400.000 đồng (*ba triệu bốn trăm nghìn đồng*) là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội theo biên lai thu tiền số AA/2020/0001707 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương phát hành ngày 22/10/2021.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Tùng L phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Tùng L không tham gia tranh luận, thể hiện lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định các bị cáo có tội:

Với nhiệm vụ được Giám đốc CDC H giao chạy máy xét nghiệm để phân tích, cho ra kết quả từ mẫu thu thập. Đây là một khâu quan trọng nhất trong toàn bộ quá trình xét nghiệm nên Nguyễn Tùng L là người có quyền hạn nhất định. Vì động cơ vụ lợi, Nguyễn Tùng L đã lợi dụng quyền hạn của mình, thực hiện hành vi thuê làm dấu chức danh của bà Hoàng Thị Mai H (*phó trưởng khoa xét nghiệm*) và dấu chức danh của ông Nguyễn Phúc T (*phó giám đốc trung tâm*), sau đó đã thực hiện việc tự ý đi lấy mẫu của những người có nhu cầu mang về CDC H; tự trộn ghép mẫu đưa vào máy chạy phân tích, khi có kết quả âm tính đã sử dụng mẫu trả kết quả của CDC H trên máy vì tính điện thông tin, ghép và photocopy chữ ký của lãnh đạo khoa xét nghiệm và lãnh đạo CDC H vào phiếu trả lời kết quả, lợi dụng sơ hở của nhân viên văn thư dùng con dấu của trung tâm đóng lên chữ ký ghép và chữ ký photocopy phàn lãnh đạo tại phiếu trả lời kết quả, trả cho người có nhu cầu xét nghiệm để thu tiền mà không qua hệ thống theo dõi tại CDC H theo quy định.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với các kết luận giám định. Các chứng cứ nêu trên phù hợp với các chứng cứ khác như: Bản tự khai của bị cáo, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo, biên bản lấy lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; nhận thức được hành vi làm các phiếu kết quả xét nghiệm Covid-19 không theo quy trình, không đưa vào hệ thống theo dõi của CDC H, giả mạo chữ ký của người có chức vụ, quyền hạn tại CDC H tại các phiếu trả kết quả để cấp cho người có nhu cầu là hành vi làm và cấp giấy tờ giả; đồng thời bị cáo cũng nhận thức được nếu không phải là người làm việc tại CDC và không được CDC H giao nhiệm vụ chạy máy xét nghiệm thì không thể thực hiện được việc làm ra các phiếu trả lời kết quả này. Hành vi mà bị cáo đã thực hiện đã xâm phạm đến sự hoạt động đúng đắn của CDC H, làm cho CDC H suy yếu, mất uy tín và với hành vi làm, cấp số lượng 09 phiếu trả lời kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 giả nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương đề nghị kết tội bị cáo Nguyễn Tùng L về tội Giả mạo trong công tác theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 359 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi tội phạm xảy ra đã động viên vợ là chị Đồng Thị Thanh N tự

nguyên nộp lại số tiền thu lời bất chính được xác định là tự nguyện khắc phục hậu quả; trong quá trình công tác bị cáo được Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Hải Dương tặng Bằng khen vì có thành tích tiêu biểu trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 được xác định là người có thành tích xuất sắc trong công tác, nên áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s, v Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Mặt khác, bị cáo có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Minh K được Bộ Y tế tặng huy chương vì sức khỏe nhân dân nên áp dụng cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi làm, cấp phiếu trả lời kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 giả hai lần mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm; mặt khác bị cáo thực hiện hành vi tại thời điểm dịch bệnh Covid-19 đang có diễn biến phức tạp nên được xác định là lợi dụng hoàn cảnh dịch bệnh để phạm tội. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g và điểm l Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Về căn cứ quyết định hình phạt: Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người không có tiền án, tiền sự, có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do vậy cần áp dụng quy định tại Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không còn việc làm, không có thu nhập và tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo nhưng cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung cấm bị cáo làm công việc liên quan đến công việc xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng tại cơ sở y tế trong một thời gian nhất định sau khi chấp hành xong hình phạt tù mới phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 359 và Điều 41 của Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn H, anh Bùi Văn Th, anh Phạm Bá D tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền đã đưa cho bị cáo nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Đối với điện thoại của L dùng để chụp ảnh chữ ký lãnh đạo khoa xét nghiệm, lãnh đạo CDC H phục vụ cho việc làm giả chữ ký; các dấu chức danh đứng tên ông T và bà H đã bị mất không thu giữ được nên không có căn cứ xử lý.

Đối với các phiếu trả lời kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 được xác định là giấy tờ giả, đã thu thập có trong hồ sơ vụ án nên tiếp tục quản lý lưu giữ tại hồ sơ.

Đối với số tiền 3.400.000 đồng (*ba triệu bốn trăm nghìn đồng*) là khoản tiền thu lời bất chính từ việc phạm tội, chị Đồng Thị Thanh N là vợ bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2020/0001707 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương phát hành ngày 22/10/2021 nên cần tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về các vấn đề khác:

Đối với hai phiếu trả lời kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 giả Nguyễn Tùng L làm, cấp cho anh Nguyễn Văn M1 và Phạm Xuân M2 nhưng anh M1, anh M2 sau khi sử dụng đã vứt đi không thu giữ được nên không đủ căn cứ để xem xét trách nhiệm của L đối với hai phiếu này. Việc các anh M1, M2 sử dụng phiếu xét nghiệm giả nhưng không biết đó là giấy tờ giả nên cũng không có căn cứ để xem xét trách nhiệm của anh M1, anh M2.

Hành vi sử dụng phiếu xét nghiệm giả của các anh Bùi Văn Th, Bùi Văn T, Bùi Quốc T, Phạm Văn H, Trần Văn P, Phạm Văn V, Phạm Văn Đ, Phạm Văn D và Phạm Xuân N nhưng những người này không biết đó là giấy tờ giả nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm của những người này là phù hợp.

Đối với phiếu trả lời kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 giả mang tên Trương Văn H do anh H giao nộp chưa xác định được ai là người làm, cấp phiếu này. Cơ quan điều tra đã Quyết định tách vụ án để tiếp tục điều tra nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với ông Phạm Duy Tuyên, ông Nguyễn Phúc T, bà Hoàng Thị Mai H, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Lan P, bà Phạm Thị N, bà Nguyễn Thị T, ông Hoàng Văn H là những người làm việc tại CDC H nhưng không biết việc L lợi dụng quyền hạn để làm, cấp phiếu trả lời kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 giả nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm của những người này.

Đối với hành vi thiếu trách nhiệm của bà Lê Thị Hải V trong việc quản lý con dấu để L sử dụng con dấu trái phép nhưng chưa gây hậu quả. CDC H đã Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà V nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm đối với bà V trong vụ án này.

Đối với hành vi của anh Phạm Bá D, anh Nguyễn Vũ Khánh M, chị Hoàng Thị L và chị Hoàng Thị L là những người nhờ L lấy mẫu, nhờ L làm xét nghiệm nhưng không biết việc L làm giả các phiếu xét nghiệm nên không có căn cứ xử lý những người này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a Khoản 3 và Khoản 5 Điều 359; điểm b, s, v Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; điểm g, l Khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 38; Khoản 1 Điều 54; Điều 41; điểm b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1 và điểm b Khoản 2 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tùng L phạm tội “Giả mạo trong công tác”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tùng L **05 (năm)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 28/6/2021.

3. Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Tùng L làm công việc liên quan đến công việc xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng tại cơ sở y tế trong thời hạn **01 (một)** năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

4. Về biện pháp tư pháp:

Tiếp tục quản lý tại hồ sơ 09 phiếu trả lời kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 là tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 3.400.000 đồng (*ba triệu bốn trăm nghìn đồng*) là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội theo biên lai thu tiền số AA/2020/0001707 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương phát hành ngày 22/10/2021.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Tùng L phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Tùng L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về phần có liên quan đến quyền lợi của mình trong bản án, đối với người có mặt trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người có quyền lợi N vụ liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP Hải Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT công an TP Hải Dương;
- Cơ quan HSNV công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS công an TP Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hiền

- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP.